TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẠ LONG **TỈNH QUẢNG NINH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 84/2022/HNGĐ-ST
Ngày 30 - 9 - 2022
V/v tranh chấp về nuôi con của nam, nữ chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẠ LONG, TỈNH QUẢNG NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: bà Phạm Thị Cúc

Các Hội thẩm nhân dân:

1. bà Hồ Thị Lan

2. bà Lê Thu Thúy

- ***Thư ký phiên toà:*** bà Phạm Thị Lý – Thư ký Toà án nhân dân thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh.

- ***Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh tham gia phiên tòa***: bà Nguyễn Thị Mai - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 9 năm 2022 tại Phòng xử án Toà án nhân dân thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 281/2022/TLST-HNGĐ ngày 30 tháng 6 năm 2022 về việc *"*tranh chấp về nuôi con của nam, nữ chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn*"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 145/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 09 tháng 9 năm 2022 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: chị Lê Thị M, sinh năm 1979; nơi thường trú: khu Tiền Hải, phường A, thành phố H1, tỉnh Hải Dương; vắng mặt, có đơn xin xử vắng mặt.

2. Bị đơn: anh Hoàng Trọng H, sinh năm 1975; nơi thường trú: khu Tiền Hải, phường A, thành phố H1, tỉnh Hải Dương; nơi tạm trú: thôn Khe Khoai, xã T, thành phố H2, Quảng Ninh; vắng mặt, có đơn xin xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Trong đơn khởi kiện đề ngày 24/6/2022, tại bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Lê Thị M trình bày:

Năm 1999, chị và anh Hoàng Trọng H chung sống với nhau trên cơ sở tự nguyện, có tổ chức cưới theo phong tục tập quán nhưng không làm thủ tục đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống anh chị hạnh phúc được 05 năm thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do cả hai có quan điểm sống không hợp nhau, không tôn trọng, thường xuyên xúc phạm nhau. Mâu thuẫn đến nay đã quá trầm trọng, chị không có nguyện vọng chung sống và đăng ký kết hôn với anh Hoàng Trọng H, nên đề nghị Tòa án tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị và anh Hoàng Trọng H.

Về con chung: quá trình chung sống, chị và anh Hoàng Trọng H có 02 con chung là Hoàng Việt L, sinh ngày 26/5/2000 và Hoàng Trọng T1, sinh ngày 02/8/2007. Con chung Hoàng Việt L đã trưởng thành, phát triển bình thường nên không yêu cầu tòa án giải quyết. Chị và anh H thỏa thuận giao con chung Hoàng Trọng T1 cho chị trực tiếp nuôi dưỡng và không yêu cầu anh H phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: chị và anh Hoàng Trọng H tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Tại bản tự khai ngày 18/7/2022, trong quá trình giải quyết vụ án - bị đơn anh Hoàng Trọng H trình bày:

Năm 1999, anh và chị Lê Thị M chung sống với nhau trên cơ sở tự nguyện, có tổ chức cưới theo phong tục tập quán nhưng không làm thủ tục đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Anh và chị M chung sống hạnh phúc đến khoảng năm 2013 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm sống nên hay xảy ra cãi vã, tình cảm dần phai nhạt. Từ năm 2013, chị M đã chuyển ra nhà bố mẹ đẻ sinh sống, anh và chị M sống ly thân từ đó đến nay. Nay anh không còn tình cảm với chị M, không có nguyện vọng chung sống cũng như đăng ký kết hôn với chị M nên anh đồng ý với yêu cầu khởi kiện của chị M, đề nghị Tòa án tuyên bố không công nhận vợ chồng giữa anh và chị M.

Về con chung: quá trình chung sống, anh và chị Lê Thị M có 02 con chung là Hoàng Việt L, sinh ngày 26/5/2000 và Hoàng Trọng T1, sinh ngày 02/8/2007. Con chung Hoàng Việt L đã trưởng thành, phát triển bình thường nên không yêu cầu tòa án giải quyết. Chị và anh H thỏa thuận giao con chung Hoàng Trọng T1 cho chị trực tiếp nuôi dưỡng và không yêu cầu anh Hoàn phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: chị và anh Hoàng Trọng H tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Trong quá trình giải quyết vụ án, tòa án tiến hành lấy lời khai của con chung của chị Mai và anh Hoàn là cháu Hoàng Trọng T1, sinh ngày 02/8/2007. Cháu T1 có nguyện vọng được ở với chị M.

* Tại công văn số 166/CV-UBND ngày 12/8/2022 của UBND phường A, thành phố H1, tỉnh Hải Dương xác nhận: chị Lê Thị M, sinh năm 1979 và anh Hoàng Trọng H, sinh năm 1975 có hộ khẩu thường trú tại khu Tiền Hải, phường A, thành phố H1, tỉnh Hải Dương là đúng. Năm 1999, chị M và anh H có tổ chức đám cưới, sống với nhau như vợ chồng và sinh được 02 người con trai là cháu Hoàng Việt L, sinh năm 2000 và Hoàng Trọng T1, sinh năm 2007. Qua kiểm tra các sổ kết hôn còn lưu tại UBND phường A thì chị M và anh H không có tên trong sổ đăng ký kết hôn lưu tại UBND phường A, đồng nghĩa với việc chị M và anh H chưa đăng ký kết hôn tại phường A lần nào.

* Tại phiên tòa, nguyên đơn chị Lê Thị M và bị đơn anh Hoàng Trọng H có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt, Hội đồng xét xử công bố lời khai của chị M, nội dung vẫn giữ nguyên yêu cầu như trong đơn khởi kiện; công bố lời khai của anh H, nội dung vẫn giữ nguyên quan điểm đồng ý với toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

* Tại phiên toà, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật: Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm nghị án. Nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đúng quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70, 71, 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 14, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Lê Thị M, không công nhận quan hệ giữa chị Lê Thị M và anh Hoàng Trọng H là vợ chồng. Về con chung: giao con chung Hoàng Trọng T1, sinh ngày 02/8/2007 cho chị M trực tiếp nuôi cho đến khi con chung thành niên (đủ 18 tuổi), anh H không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: đây là vụ án hôn nhân và gia đình về tranh chấp nuôi con của nam, nữ chung sống với nhau như

vợ chồng mà không đăng ký kết hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 7 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn anh Hoàng Trọng H tạm trú và làm việc trên địa bàn thành phố H1, tỉnh Quảng Ninh nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Về sự vắng mặt của các đương sự: chị Lê Thị M và anh Hoàng Trọng H vắng mặt tại phiên tòa nhưng đều đã có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, vì vậy việc Tòa án xét xử vắng mặt chị M, anh H là đúng theo quy định tại khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: chị M và anh H tự nguyện chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1999 đến nay, có đủ điều kiện kết hôn theo Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2000 và Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 nhưng không đăng ký kết hôn tại cơ quan Nhà nước có thẩm quyền. Theo quy định tại khoản 1 Điều 11 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2000, điểm b Mục 3 Nghị quyết số 35/NQ-2000/QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc hội về việc thi hành Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2000; khoản 1 Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 thì quan hệ giữa chị M và anh H không được pháp luật công nhận là vợ chồng.

Quá trình chung sống, chị M và anh H đã phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do cả hai có quan điểm sống không hợp nhau, không tôn trọng, thường xuyên xúc phạm nhau. Đến nay chị M và anh H đã không sống cùng với nhau, không còn quan hệ về tình cảm, kinh tế. Do đó, cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, không công nhận chị Lê Thị M và anh Hoàng Trọng H là vợ chồng theo quy định tại khoản 1 Điều 14 và khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3] Về con chung: chị Lê Thị M và anh Hoàng Trọng H có 02 (hai) con chung là Hoàng Việt L, sinh ngày 26/5/2000 và Hoàng Trọng T1, sinh ngày 02/8/2007. Quá trình giải quyết vụ án chị M và anh H thỏa thuận con chung Hoàng Việt L đã trưởng thành, phát triển bình thường nên không yêu cầu tòa án giải quyết. Giao con chung Hoàng Trọng T cho chị M trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng đến tuổi thành niên (đủ 18 tuổi); anh Hoàng Trọng H không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Xét việc thỏa thuận này là tự nguyện, phù hợp với quy định của pháp luật và phù hợp với nguyện vọng của con chung nên chấp nhận.

[4] Về tài sản chung: chị Lê Thị M và anh Hoàng Trọng H tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5] Về án phí: chị M phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

[6] Về quyền kháng cáo của các đương sự: chị Lê Thị M và anh Hoàng Trọng H có quyền kháng cáo Bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 7 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 238 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 1 Điều 11 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2000; điểm b Mục 3 Nghị quyết số 35/NQ-2000/QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc hội về việc thi hành Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2000;

Căn cứ khoản 1 Điều 9, các điều 14, 15, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Lê Thị M.

1. Không công nhận chị Lê Thị M và anh Hoàng Trọng H là vợ chồng.

2. Về con chung: giao con chung Hoàng Trọng T1, sinh ngày 02/8/2007 cho chị M trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng đến tuổi thành niên (đủ 18 tuổi).

Anh Hoàng Trọng H không phải cấp dưỡng nuôi con chung; có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở.

3. Về án phí: chị Lê Thị M phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai số 0000853 ngày 30/6/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Hạ Long, Quảng Ninh; chị M đã nộp đủ án phí.

4. Về quyền kháng cáo: nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND TP Hạ Long;
- TAND tỉnh Quảng Ninh;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(đã ký)

- Chi cục THADS TP Hạ Long;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Phạm Thị Cúc